BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN VÀ TIẾP THU, GIẢI TRÌNH ĐỐI VỚI DỰ THẢO
NGHỊ ĐỊNH
VỀ LÃNH SỰ DANH DỰ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

(Kèm theo Công văn số: /BNG-LS ngày /9/2021 của Bộ Ngoại giao)

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	**Bộ Tư pháp**	**(CV số 2520/BTP-PLQT ngày 28/7/2021)** Bộ Tư pháp nhất trí với sự cần thiết của việc xây dựng Nghị định nhằm giải quyết những bất cập hiện nay, đáp ứng tình hình thực tiễn và thông lệ quốc tế trong việc chấp thuận lãnh sự danh dự (LSDD) nước ngoài tại Việt Nam, đồng thời phù hợp và thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (đặc biệt là Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện cảu tổ chức quốc tế tại Việt Nam năm 1993 - Pháp lệnh 1993) và với những lý do mà Bộ Ngoại giao đề cập tại dự thảo Tờ trình kèm theo Công văn số 2537/BNG-LS nêu trên.	
		Về dự thảo Nghị định Nội dung của dự thảo Nghị định có liên quan trực tiếp tới Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự (Công ước Viên 1963), do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ tiếp tục rà soát toàn bộ dự thảo Nghị định với quy định của Công ước Viên 1963 và các	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và chỉnh lý vào dự thảo.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
		quy định pháp luật Việt Nam có liên quan để đảm bảo phù hợp. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ Ngoại giao cân nhắc thêm một số nội dung sau:	
		Thứ nhất, về điều khoản giải thích từ ngữ (Điều 2), một số thuật ngữ được giải thích tại dự thảo Nghị định như "Nước cử", "Giấy ủy nhiệm LSDD", "Giấy chấp nhận LSDD"…, tuy nhiên, cách giải thích tại Điều 2 dự thảo Nghị định không rõ ràng giữa "ủy quyền" và "ủy nhiệm". Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ làm rõ hơn việc giải thích các từ ngữ tại Điều 2 liên quan đến "ủy nhiệm", "ủy quyền".	Bộ Ngoại giao tiếp thu và đã chỉnh lý tại dự thảo. Bộ Ngoại giao thống nhất sử dụng cụm từ: **ủy nhiệm**. Cụm từ này đã được sử dụng như một thông lệ trong quan hệ đối ngoại và đều được sử dụng, đề cập trong Pháp lệnh ưu đãi miễn trừ ngoại giao năm 1993 cũng như Luật các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Ngoài ra, Bộ Ngoại giao xin được giải trình thêm như sau: Giấy ủy nhiệm LSDD, bản chất là giấy tờ của Nước cử ***bổ nhiệm*** một cá nhân làm LSDD của nước đó và ***uỷ quyền*** cho cá nhân đó thực hiện một hoặc một hoặc một số chức năng lãnh sự tại khu vực lãnh sự nhất định.
		Thứ hai, về tiêu chuẩn của LSDD (Điều 6), Điều 6 dự thảo Nghị định về cơ bản là kế thừa quy định tại Quyết định số 139/2000/QĐ-TTg ngày 04/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về LSDD của nước ngoài tại Việt Nam. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp nhận thấy các tiêu chuẩn của người được bổ nhiệm làm LSDD cần được rà soát, hoàn thiện để đảm bảo rõ ràng hơn. Chẳng	Nghị định không quy định cụ thể từng loại giấy tờ mà dự thảo theo hướng quy định các tiêu chí để ta có căn cứ để chấp thuận LSDD trên cơ sở đề nghị bổ nhiệm của phía Nước cử; tạo thuận lợi cho cá nhân người đã được bổ nhiệm. Trên thực tế, ứng viên LSDD khi nộp hồ sơ để được chấp thuận làm LSDD có thể nộp nhiều loại giấy tờ khác nhau chứng minh mình có khả

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
		hạn như các quy định: "*có khả năng tài chính, uy tín trong xã hội*" "*có lý lịch tư pháp rõ ràng*" (tại khoản 4, 5) là không rõ phải xác định như thế nào. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ rà soát, hoàn thiện quy định tại Điều 6 dự thảo Nghị định để đảm bảo tính rõ ràng và khả thi	năng tài chính, uy tín xã hội: như giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, hồ sơ công ty …Về lý lịch tư pháp: cá nhân được đề cử sẽ nộp Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp và Bộ Công an, Bộ Ngoại giao đã điều chỉnh bổ sung thêm như dự thảo để đảm bảo tính rõ ràng. Theo thông lệ quốc tế, LSDD có những đặc thù nhất định. Họ thường là những người có năng lực tài chính và uy tín rõ ràng do khi thực hiện chức năng lãnh sự không phát sinh thu nhập; sử dụng cơ sở vật chất của cá nhân mình (phương tiện di chuyển, trụ sở…). Trên cơ sở xem xét năng lực của từng cá nhân, Nước cử mới bổ nhiệm và đề nghị ta chấp thuận. Như vậy việc xem xét tư cách để chấp thuận LSDD đã qua "bộ lọc kép". Ngoài ra, Công ước Viên 1963 về quan hệ lãnh sự không quy định cụ thể các tiêu chí để Nước cử chấp thuận một cá nhân làm LSDD. Do đó Bộ Ngoại giao thấy rằng quy định như hiện nay là đủ rõ ràng, phù hợp với thông lệ và pháp luật quốc tế.
		Thứ ba, khoản 2 Điều 17 dự thảo Nghị định quy định: "*Trong trường hợp được Bộ Ngoại giao*	Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp. Bộ Ngoại giao đã điều chỉnh dự thảo Nghị định theo hướng phù

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
		đồng ý, Lãnh sự danh dự có thể sử dụng giao thông viên ngoại giao, giao thông viên lãnh sự, túi ngoại giao, túi lãnh sự, điện mật mã để liên hệ với các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc với Chính phủ của Nước cử". Bộ Tư pháp nhận thấy, khi gia nhập Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự, Việt Nam đã có Tuyên bố bảo lưu, cụ thể: "*Nước CHXHCN Việt Nam sẽ không cho các cơ quan lãnh sự do viên chức lãnh sự danh dự đứng đầu được sử dụng giao thông ngoại giao,...., trừ khi được Chính phủ CHXHCN Việt Nam cho phép trong từng trường hợp một*". Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ cân nhắc chỉnh lý khoản 2 Điều 17 dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với Tuyên bố của Việt Nam.	hợp với Tuyên bố bảo lưu của Việt Nam
		Thứ tư, về điều khoản hiệu lực thi hành (Điều 22), căn cứ khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ cân nhắc bổ sung quy định về vấn đề hết hiệu lực của Quyết định số 139/2000/QĐ-TTg ngày 04/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về LSDD của nước ngoài tại Việt Nam.	Theo quy định tại khoản 2, Điều 154 Luật Ban hành VBQPPL: *văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó*. Quyết định 139/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành, do đó việc hết hiệu lực Quyết định 139/2000/QĐ-TTg sẽ không được quy định tại Nghị định này. Thay vào đó, Thủ tướng Chính phủ sẽ ban hành Quyết định bãi bỏ

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
			văn bản do Thủ tướng Chính phủ ban hành (trong đó có Quyết định 139/2000/QĐ-TTg). Ví dụ: Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam được Quốc hội thông qua và có hiệu từ ngày 1/7/2020 (Luật số 49). Các quy định của Luật có hiệu lực sẽ thay thế các quy định tại Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (Nghị định 136/2007), Nghị định số 94/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (Nghị định số 94/2015); Quyết định số 58/2012/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (Quyết định 58/2012/QĐ-TTg). Tuy nhiên, trong toàn văn Luật, ko quy định cụ thể Luật sẽ thay thế các văn bản này. Thay vào đó, các VBQPPL sẽ được bãi bỏ bởi VBQPPL do cùng cấp ban hành. Cụ thể: Nghị định 136/2007 và Nghị định 94/2015 được bãi bỏ bởi Nghị định số 151/2020/NĐ-CP bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành. Quyết định số 58/2012/QĐ-TTg được bãi

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
			bỏ bới Quyết định 26/2020/QĐ-TTg ngày 19/12/2020 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành.
		3. Về hồ sơ và trình tự, thủ tục Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ thực hiện theo các quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Bộ Ngoại giao nhất trí nội dung này và đã thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
2	**Bộ Lao động Thương binh và Xã hội**	**(Cv số 2406/LĐTBXH-PC ngày 27/7/2021)** Bộ LĐTBXH nhất trí với dự thảo Nghị định	
3	**Bộ Nội vụ**	**(CV số 3766/BNV-HTQT ngày 02/8/2021)** Về nội dung: Đề nghị rà soát lại hiệu lực của Quyết định 139/2000/QĐ-TTG ngày 04/12/2000 về Quy chế lãnh sự của nước ngoài tại Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành (sau đây gọi tắt là Quy chế 139). Nếu nghị định sau khi ban hành sẽ bãi bò Quy chế 139 thì đề nghị quy định trong dự thảo Nghị định	Đã giải trình như trên đối với ý kiến tương tự của Bộ Tư pháp.
		Về thể thức và kỹ thuật trình bày: Đề nghị không sử dụng dấu "…" trong dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính	Nhất trí tiếp thu và đã chỉnh lý tại dự thảo.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
		phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; điều chỉnh các thể thức khác của dự thảo Nghị định theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (Mẫu số 01, Phụ lục I); rà soát các lỗi chính tả trong nội dung dự thảo	
	Bộ Công an	Cơ bản nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định.	
		Quy định cụ thể việc Bộ Ngoại giao phải xin ý kiến của các bộ, ngành có liên quan, đặc biệt là ý kiến của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trước khi xem xét chấp thuận về nguyên tắc việc thành lập Cơ quan lãnh sự danh dự (Điều 4), chấp thuận người được đề cử làm lãnh sự danh dự (Điều 5), chấp thuận và thay đổi khu vực lãnh sự (Điều 10) thay vì quy định "Bộ Ngoại giao tham khảo các cơ quan có liên quan" như hiện nay.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Công an, phù hợp với thông lệ thực hiện hiện nay và đã chỉnh lý tại Dự thảo Nghị định.
		Bổ sung tiêu chuẩn của ứng viên Lãnh sự danh dự (Điều 6) không thuộc các trường hợp sau: đang là bị can, bị cáo, người có nghĩa vụ liên quan trong	Tiếp thu ý kiến của Bộ Công an.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
		vụ án hình sự hoặc đang là bị đơn, người bị kiện, người có nghĩa vụ liên quan trong vụ việc dân sự, kinh doanh thương mại, lao động, hành chính, hôn nhân và gia đình; đang có nghĩa vụ chấp hành bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của Hội đồng xử lý cạnh tranh; chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; đang có nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.	
		Ngoài ra, cần bổ sung tiêu chí cụ thể để đồng ý ứng viên Lãnh sự danh dự là người có quốc tịch nước thứ ba, tránh việc áp dụng không thống nhất	Bộ Ngoại giao xin giải trình thêm như sau: về nguyên tắc, ứng viên LSDD là người có quốc tịch nước thứ ba trước tiên phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung đối với LSDD. Việc đồng ý cho người có quốc tịch nước thứ ba làm LSDD có thể căn cứ vào vào nhiều yếu tố không cố định, có thể kể đến như tính chất/mức độ quan hệ của ta với Nước cử; tính chất/mức độ quan hệ của ta với nước thứ ba mà ứng viên LSDD mang quốc tịch; số lượng LSDD của Nước Cử tại Việt Nam; số lượng LSDD của nước thứ ba tại Việt Nam….Ngoài ra, thông lệ quốc tế và Công ước Viên 1963 cũng không quy định tiêu chí cụ thể trong trường hợp này. Do đó, Bộ Ngoại giao xin phép không quy đinh cụ thể tiêu chí trong trường hợp này.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
		Điều 9, Điều 11, Điều 12 quy định về chức năng lãnh sự, quyền và nghĩa vụ của Cơ quan lãnh sự danh dự và Lãnh sự danh dự, tuy nhiên, hiện chỉ có nội dung liên quan đến Lãnh sự danh dự, đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến Cơ quan lãnh sự danh dự cho phù hợp với tên gọi.	Tiếp thu ý kiến của Bộ Công an, Bộ Ngoại giao điều chỉnh tiêu đề các Điều 9, 11, 12 đối với ~~Cơ quan Lãnh sự danh dự và~~ Lãnh sự danh dự. Ngoài ra Bộ Ngoại giao xin giải trình thêm như sau: xuất phát từ đặc thù của Lãnh sự danh dự (kiêm nhiệm và không có quyền ưu đãi miễn trừ "hoàn toàn và đầy đủ" như viên chức lãnh sự danh dự chuyên nghiệp), LSDD thông thường thực hiện toàn bộ chức năng của cơ quan Lãnh sự danh dự trên cơ sở sự ủy nhiệm nhất định của Nước cử; sử dụng trụ sở/cơ sở vật chất của mình để thực hiện chức năng lãnh sự và coi đó trụ sở của Cơ quan lãnh sự.
		Đồng thời, cân nhắc lại quy định tại Điều 9 về các chức năng lãnh sự mà Lãnh sự danh dự có thể thực hiện, nội dung này cần được nêu cụ thể trong Giấy chấp nhận Lãnh sự danh dự đối với từng trường hợp cụ thể. Trường hợp cần có quy định để hạn chế các chức năng lãnh sự mà Lãnh sự danh dự có thể thực hiện thì chuyển lên quy định tại Chương II cho phù hợp	Chức năng lãnh sự nêu tại Điều 9 là các quy định chung. Nước cử có thể ủy nhiệm cho LSDD thực hiện một hoặc nhiều chức năng lãnh sự. Như vậy chức năng lãnh sự cụ thể đối với từng LSDD sẽ do Nước cử ủy nhiệm và đề cập tại Giấy ủy nhiệm LSDD. Bộ Ngoại giao cấp Giấy chấp nhận Lãnh sự trên cơ sở ủy nhiệm của Nước cử. Do đó, Bộ Ngoại giao thấy rằng không nhất thiết phải nêu cụ thể tại Giấy chấp nhận Lãnh sự danh dự.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
	UBND TP Hà Nội	**CV 2716/UBND-KGVX ngày 20/8/2021 của UBND TP Hà Nội** Cơ bản nhất trí với kết cấu và nội dung của dự thảo Hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định về Lãnh sự danh dự nước ngoài tại Việt Nam.	
		Việc cơ quan soạn thảo lấy Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ pháp lý đầu tiên để ban hành Nghị định này là chưa phù hợp vì Luật Ban hành VBQPPL không phải là cơ sở pháp lý trực tiếp ban hành Nghị định về lãnh sự danh dự nước ngoài tại Việt Nam. Do đó để đúng thẩm quyền ban hành Nghị định, đề nghị cơ quan soạn thảo lấy cơ sở pháp lý đầu tiên là Luật Tổ chức Chính phủ và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ	Nhất trí tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo.
	UBND TP Hồ Chí Minh	**CV số 2733/UBND-TH ngày 17/8/2021** Ngày 23/9/2019, UBND TP Hồ Chí Minh đã có Công văn số 3875/UBND-TH góp ý xây dựng Nghị định về Quy chế Lãnh sự danh dự nước ngoài tại Việt Nam. Sau nhiều lần cập nhật, điều chỉnh dự thảo Nghị định, UBND TP Hồ Chí Minh nhận thấy bản dự thảo lần này đã giải quyết được những bất cập, vướng mắc trong thực tiễn quản lý và phối hợp	Nhất trí tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo.

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
		quản lý Lãnh sự danh dự trên địa bàn TP Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, UBND TP Hồ Chí Minh nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định về quy chế Lãnh sự danh dự nước ngoài tại Việt Nam.	